

**CÔNG TY TNHH INAFOOD VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH INAFOOD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INAFOOD VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: INAFOOD VIET NAM CO. , LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108096931

**3. Ngày thành lập:** 15/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 416 Phúc Diễn, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0246.2934600

Fax:

Email: sales.inafood@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210     |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690     |
| 4.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721     |
| 5.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722     |
| 6.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723     |
| 7.  | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4724     |
| 8.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741     |
| 9.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742     |
| 10. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753     |
| 11. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 12. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761     |
| 13. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762     |
| 14. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771     |
| 15. | Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: đại lý                                                                                                                              | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4631        |
| 17. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4632(Chính) |
| 18. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4633        |
| 19. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4634        |
| 20. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4641        |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; -<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; -<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia<br>dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ<br>tùng máy - Bán buôn bàn chải đánh răng, khăn mặt, kem đánh<br>răng, bật lửa | 4649        |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651        |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652        |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>chi tiết: Bán lẻ bàn chải đánh răng, khăn mặt, kem đánh răng,<br>bật lửa                                                                                                                                                                                                                                         | 4773        |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ<br>chi tiết: thuê xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710        |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4791        |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ<br>vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4931        |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4932        |
| 29. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                       | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | GIANG MẠNH TIẾN | Thôn Mông Phụ, Xã Đường Lâm, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | 950.000.000           | 50,000    | 111945109                                                                                                                                         |         |

|   |              |                                                                                        |             |        |              |  |
|---|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | LÊ VĂN CUỜNG | Xóm 10, tổ 27,<br>Phường Lĩnh Nam,<br>Quận Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà Nội,<br>Việt Nam | 950.000.000 | 50,000 | 001084020017 |  |
|---|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|--------------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN CUỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *11/11/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001084020017*

Ngày cấp: *09/08/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 10, tổ 27, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 10, tổ 27, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội